TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 25

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Giá trị của chữ số 1 trong số 385 699 137 là:

A. 10 **B.** 1000 **C.** 100 **D.** 1

Câu 2. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 885 645 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 900 000 **B.** 800 000 **C.** 1 000 000 **D.** 890 000

Câu 3. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 3491 + 765 = 765 + …….

A. 3491 **B.** 2726 **C.** 765 **D.** 4256

Câu 4. *(0,5 điểm)* Chu vi hình vuông cạnh a được tính theo công thức P = a × 4. Với a = 14 cm thì P bằng:

A. 56 cm **B.** 196 cm **C.** 28 cm **D.** 18 cm

Câu 5. *(0,5 điểm)* Năm 1975 thuộc thế kỉ nào?

A. thế kỉ XVIII **B.** thế kỉ XX **C.** thế kỉ XIX **D.** thế kỉ XXI

Câu 6. *(0,5 điểm)* 8500 kg = ……. tạ

A. 850 **B.** 90 **C.** 8 **D.** 85

Câu 7. *(0,5 điểm)* Lúc 7 giờ đúng, kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành:

A. góc bẹt **B.** góc nhọn **C.** góc vuông **D.** góc tù

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình bình hành có đặc điểm nào sau đây?

A. Có bốn góc vuông

B. Có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau

C. Có hai cặp cạnh vuông góc

D. Có bốn cạnh bằng nhau

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho các số: 916 048, 961 048, 916 840, 926 048, 916 084.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn: …….

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: …….

Câu 10. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) 8813 + 459 + 541 = …….

b) 2490 + 2061 − 490 = …….

c) 237 + 3799 + 63 = …….

Câu 11. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 673 196 + 195 573 = …….

b) 695 076 − 127 044 = …….

c) 16 334 × 6 = …….

d) 59 352 : 6 = …….

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 tấn 10 kg = ……. kg

b) 4 tạ = ……. yến

c) 8 m^2 14 dm^2 = ……. dm^2

d) 4 phút 48 giây = ……. giây

Câu 13. *(1 điểm)* Hình bình hành ABCD có cạnh AB = 21 cm, cạnh BC = 17 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Chu vi hình bình hành: ……. cm

b) Cạnh DC dài: ……. cm

c) Cạnh AD dài: ……. cm

Câu 14. *(1 điểm)* Hai thùng có tất cả 98 l dầu. Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai 12 l. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

a) Thùng thứ nhất: ……. l

b) Thùng thứ hai: ……. l

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 25

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	A	A	B	D	D	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 916 048, 916 084, 916 840, 926 048, 961 048

b) 961 048 − 916 048 = 45 000

Câu 10.

a) 8813 + (459 + 541) = 8813 + 1 000 = 9813

b) (2490 − 490) + 2061 = 2000 + 2061 = 4061

c) (237 + 63) + 3799 = 300 + 3799 = 4099

Câu 11.

a) 673 196 + 195 573 = 868 769

b) 695 076 − 127 044 = 568 032

c) 16 334 × 6 = 98 004

d) 59 352 : 6 = 9892

Câu 12.

a) 2000 + 10 = 2010

b) 1 tạ = 10 yến: 40

c) 800 + 14 = 814

d) 4 × 60 + 48 = 288

Câu 13.

a) (21 + 17) × 2 = 76 (cm)

b) DC = AB = 21 cm

c) AD = BC = 17 cm

Câu 14.

Thùng thứ nhất: (98 + 12) : 2 = 55 (l)

Thùng thứ hai: 55 − 12 = 43 (l)